

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST
Ngày: 23 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn C Tính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sáu**

2. Ông **Nguyễn Minh Chiêu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Hồng Chi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2020/TLST – DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXX-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**. Trụ sở chính: Địa chỉ: Số 40-42-44 E, Phường G, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà **B1** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **B2**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 466, I, Khóm 1, Phường 7, thành phố K, tỉnh Bạc Liêu. Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân kiêm Phó Phòng khách hàng doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền số 985/UQ-CNBL ngày 22/6/2021. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983 và bà **Dương Ngọc D**, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, trình bày:

Ngày 16/5/2016, ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây viết gọn là Ngân hàng) thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 863/16/HDTD/0200-4182 và hợp đồng thế chấp tài sản số 863/16/HBTC-BDS/0200-4182, để vay số tiền 110.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi heo; thời hạn vay 01 năm (giải ngân ngày 18/5/2016);

lãi suất vay: 12.6%/năm. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại Bên A (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay; mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày. Hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 150842 tại thửa 769 tờ bản đồ số 13, diện tích 2.100m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 31/12/2009 và quyền sử dụng đất số BB 184940 tại thửa 902 tờ bản đồ số 13, diện tích 1.586m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 10/5/2010. Kể từ ngày vay tiền đến nay, ông C, bà D chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc, lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 23/6/2021 là 210.504.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 100.504.250 đồng (tiền lãi trong hạn: 14.052.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 86.451.750 đồng). Đồng thời, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C, bà D về số tiền phạt chậm trả lãi là 11.479.949 đồng. Trong trường hợp ông C, bà D không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông C, bà D để thu hồi nợ.

Theo đồng bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Dương Ngọc D: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho ông C, bà D nhưng ông C, bà D vắng mặt không có lý do và không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C, bà D đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông C, bà D chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình là theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông C, bà D. Buộc ông C, bà D cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 23/6/2021 là 210.504.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.052.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 86.451.750 đồng và tiền lãi phát sinh từ 24/6/2021 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông C và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông C và bà D để thu hồi nợ.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C và bà D. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C và bà D về việc yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 11.479.949 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông C và bà D phải chịu 5% trên tổng số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: $210.504.250 \text{ đồng} \times 5\% = 10.525.212 \text{ đồng}$, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Ông C và bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây viết gọn là Ngân hàng) khởi kiện ông Nguyễn Văn C, bà Dương Ngọc D yêu cầu thanh toán tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 16/5/2016, đây là tranh chấp về Hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng) theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện, ông C và bà D có địa chỉ cư trú tại ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 22/6/2021, ông Sơn là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Ngày 23/6/2021, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C, bà D về việc yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 11.479.949 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C, bà D về việc yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 11.479.949 đồng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 16/5/2016, Ngân hàng với ông C, bà D ký kết hợp đồng tín dụng số 863/16/HDTD/0200-4182 và hợp đồng thế chấp tài sản số 863/16/HDTC-BDS/0200-4182, để vay số tiền 110.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi heo; thời hạn vay 01 năm (giải ngân ngày 18/5/2016); lãi suất vay: 12.6%/năm. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại Bên A (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay; mức

phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày. Hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ. Kể từ ngày vay tiền đến nay, ông C, bà D chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc, lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng.

[5] Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 23/6/2021 là 210.504.250 đồng, trong đó tiền gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.052.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 86.451.750 đồng và tiền lãi từ ngày 24/6/2021 cho đến khi ông C, bà D thanh toán xong số tiền nợ trên, là phù hợp với quy định tại các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015), khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trường hợp ông C, bà D không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông C, bà D là quyền sử dụng đất số BA 150842 tại thửa 769 tờ bản đồ số 13, diện tích 2.100m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 31/12/2009 và quyền sử dụng đất số BB 184940 tại thửa 902 tờ bản đồ số 13, diện tích 1.586m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 10/5/2010 để thu hồi nợ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 540.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông C, bà D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định nêu trên. Ngân hàng đã tạm nộp tạm ứng số tiền 540.000 đồng và đã chi phí hết vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp nên cần buộc ông C, bà D có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 540.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C, bà D được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên ông C, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 5.098.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008345 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218,

khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 146 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 109, các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Nợ tính đến ngày 23/6/2021 là 210.504.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.052.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 86.451.750 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần B chi nhánh Bạc Liêu nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền 210.504.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.052.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 86.451.750 đồng.

3. Kể từ ngày 24/6/2021, ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

4. Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số BA 150842 tại thửa 769 tờ bản đồ số 13, diện tích 2.100m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 31/12/2009 và quyền sử dụng đất số BB 184940 tại thửa 902 tờ bản đồ số 13, diện tích 1.586m² do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 10/5/2010 để thu hồi nợ.

5. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D về việc yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 11.479.949 đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 540.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

7. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Dương Ngọc D phải nộp 10.525.212 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được hoàn lại 5.098.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008345 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn C Tính